

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần CIC39
- Mã chứng khoán: C32
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiêt, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (0274) 3759 446 - Fax: (0274) 3755 605
- Người thực hiện công bố thông tin: Lữ Minh Quân, Chức vụ: Phụ trách QTCT
- Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Riêng năm 2020 đã kiểm toán và giải trình lợi nhuận sau thuế tăng 15,43% so với cùng kỳ năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/4/2021 tại đường dẫn: www.cic39.vn (Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính – Năm 2020).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động KD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (gt);
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Công văn giải trình số 197/CTY-TC ngày 05/4/2021.

Lữ Minh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198/CTY-TC

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2021

V/v giải trình biến động lợi nhuận
báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã
kiểm toán so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần CIC39

Mã chứng khoán: C32

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiét, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3759446

Fax: 0274.3755605

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần CIC39.

Công ty Cổ phần CIC39 xin giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như sau:

Lợi nhuận sau thuế	Năm 2020	Năm 2019	% chênh lệch
Báo cáo riêng	81.253.977.305	70.395.326.338	15,43%

Nguyên nhân:

Báo cáo tài chính riêng năm 2020 có sự biến động lợi nhuận do các nguyên nhân sau: Doanh thu năm 2020 giảm 20,45% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương giảm 164 tỷ đồng đạt 638 tỷ đồng, tuy nhiên do cơ cấu doanh thu thay đổi nên lãi gộp chỉ biến động nhẹ tăng 0,8% tương đương 1 tỷ đồng so với cùng kỳ. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do việc sắp xếp và tiết kiệm chi phí quản lý và hoàn nhập dự phòng phải thu 15,3 tỷ đồng. Thu nhập khác giảm 3,1 tỷ đồng do không có khoản hoàn nhập chi phí tiền cấp quyền khoáng sản như năm 2019 nhưng có khoản tận thu trong quá trình cải tạo mỏ. Tổng hợp các ảnh hưởng trên đã làm lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty tăng 10,8 tỷ đồng tương đương 15,4% so với cùng kỳ năm trước.

2

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán so với cùng kỳ năm 2019./.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT/TC/4

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Văn Lĩnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 42
8. Phụ lục	44 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CIC39 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CIC39 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146225, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 759 446
- Fax : (84 - 274) 3 755 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Cống Bê tông	Số 6, Đường đôi 16, Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Gạch Bê tông	Số 5/138 Đường Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39 Xưởng Bê tông Long Nguyên	216B, Ấp Bưng Thuốc, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39 Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng 279	1/278, Đường 22 tháng 12, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Trồng cây cao su;
- Phá dỡ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép;
- Kinh doanh bất động sản; Cho thuê đất, văn phòng, nhà, xưởng (thực hiện theo quy hoạch); Đầu tư kinh doanh cầu đường giao thông, cầu phà đường thủy, đường bộ;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây xanh, thảm cỏ đô thị;

- Lắp đặt lưới điện hạ thế và trạm theo đường dây từ 35KV trở xuống; Thi công hệ thống chiếu sáng; Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, bảo động, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại (không rèn, dập, ép, cán, luyện kim loại tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch); Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Khai thác đá, cát sỏi, đất, đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền); Chế biến đá;
- Bán buôn nhiên liệu động cơ (không lập trạm xăng dầu tại trụ sở chính);
- Tư vấn công trình. Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông đường bộ: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy chữa cháy;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Hoạt động cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Khai thác gỗ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi; Nạo vét kênh mương, cầu cống, sông ngòi; Thi công hệ thống xử lý chất thải;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài), đấu giá tài sản;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ tuynel)
- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt, xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh doanh nghiệp này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp;
- Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm gồm: Kiểm tra âm thanh và chấn động; Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; Phân tích lỗi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Văn Lãnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 3 năm 2020
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Võ Văn Lãnh - Tổng Giám đốc Công ty (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 4 năm 2021



Số: 1.0993/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CIC39 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CIC39 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470.170.721.920	428.246.963.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.165.616.820	67.272.518.086
1. Tiền	111		78.717.657.144	27.771.077.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.447.959.676	39.501.440.830
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		111.320.310.125	104.533.489.605
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	111.320.310.125	104.533.489.605
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201.978.611.322	176.625.935.767
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118.343.305.370	117.261.089.060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.842.230.160	41.755.270.605
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	66.751.203.392	33.909.629.501
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(958.127.600)	(16.300.053.399)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	67.112.186.180	79.070.247.760
1. Hàng tồn kho	141		67.197.602.703	79.227.943.713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.416.523)	(157.695.953)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.593.997.473	744.772.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	505.583.167	744.772.437
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		971.075.762	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	117.338.544	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		493.824.446.098	457.086.545.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		197.229.974.268	181.416.876.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	135.234.862.208	139.804.211.575
- Nguyên giá	222		269.941.213.320	256.132.235.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.706.351.112)	(116.328.024.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61.995.112.060	41.612.664.980
- Nguyên giá	228		101.337.823.261	79.414.887.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.342.711.201)	(37.802.222.447)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.820.302.385	5.379.883.601
- Nguyên giá	231		8.331.392.116	8.331.392.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.511.089.731)	(2.951.508.515)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.103.394.735	25.634.284.603
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.103.394.735	25.634.284.603
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		221.645.351.109	177.992.494.865
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	17.200.000.000	3.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	120.952.624.223	97.592.800.663
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.629.694.202	66.629.694.202
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(386.967.316)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	17.250.000.000	10.770.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.025.423.601	66.663.005.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	68.025.423.601	66.052.071.959
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	610.933.432
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		963.995.168.018	885.333.508.670

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		425.615.849.859	383.681.054.880
I. Nợ ngắn hạn	310		382.985.782.359	337.380.463.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.562.216.645	27.232.750.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	52.239.905.309	25.820.228.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.788.421.771	17.393.539.595
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.468.833.766	10.233.525.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	30.404.287.004	32.627.567.682
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.545.449	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8.025.008.546	11.137.287.446
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	249.531.557.501	210.149.867.165
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	4.280.600.880	594.328.619
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	6.670.405.488	2.191.368.139
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		42.630.067.500	46.300.591.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	42.630.067.500	46.300.591.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-C
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 ĐỒ CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		538.379.318.159	501.652.453.790
I. Vốn chủ sở hữu	410		538.379.318.159	501.652.453.790
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	2.190.000.000	2.190.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	195.974.864.344	166.930.637.926
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	189.913.003.815	182.230.365.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		155.540.362.453	182.230.365.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		34.372.641.362	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		963.995.168.018	885.333.508.670

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Đỗ Việt Cường
Người lập



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lành
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	638.232.429.348	802.277.757.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.066.130	164.895.739
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		638.219.363.218	802.112.861.664
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	512.512.999.760	677.427.024.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.706.363.458	124.685.837.509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.742.748.944	15.638.001.962
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.165.821.748	14.485.298.468
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.778.854.432	14.521.330.676
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.151.850.484	28.875.707.593
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.050.151.643	21.377.250.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.081.288.527	75.585.582.895
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.674.036.073	11.785.798.851
12. Chi phí khác	32	VI.9	159.851.700	835.374.842
13. Lợi nhuận khác	40		8.514.184.373	10.950.424.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.595.472.900	86.536.006.904
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	16.730.562.163	10.902.428.547
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	610.933.432	5.238.252.019
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>81.253.977.305</u>	<u>70.395.326.338</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Võ Văn Linh
Tổng Giám đốc

Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98.595.472.900	86.536.006.904
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	24.081.455.787	22.864.360.697
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6, V.7, V.21	(11.340.965.652)	431.683.451
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(21.932.730.708)	(15.781.442.945)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	17.778.854.432	14.521.330.676
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.182.086.759	108.571.938.783
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.210.626.944)	29.902.189.511
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.030.341.010	(19.298.085.924)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.821.963.539)	(9.560.770.919)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.734.162.372)	(127.987.190)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(17.802.643.209)	(14.408.417.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(17.049.736.514)	(10.937.238.871)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(2.756.917.927)	(18.657.605.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.836.377.264	65.484.022.313
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12, VII	(21.839.015.807)	(50.538.246.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	1.890.909.091	169.556.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.786.820.520)	(12.335.267.423)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.520.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(43.685.388.560)	(45.624.273.920)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b, V.5	2.657.311.539	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	21.656.471.351	14.913.453.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.586.532.906)	(93.414.777.954)

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	479.662.796.240	520.355.897.474
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(443.951.629.904)	(428.049.465.612)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.23	(36.067.911.960)	(36.075.438.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(356.745.624)	56.230.993.322
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.893.098.734	28.300.237.681
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	67.272.518.086	38.972.280.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	88.165.616.820	67.272.518.086

Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CIC39 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, Công ty đã hết thời hạn khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp kéo theo doanh thu biến động giảm. Tuy nhiên lợi nhuận tăng chủ yếu là do hoàn nhập dự phòng, các khoản cổ tức nhận được.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 83,38%.

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Miền Đông	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp.	32,01%	32,01%	32,01%
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An	Áp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	Kinh doanh vật liệu xây dựng	42,38%	42,38%	42,38%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Công Bê tông	Số 6, Đường đôi 16, Khu phố Cây Chàm, Phường Thanh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 Xí nghiệp Gạch Bê tông	Số 5/138 Đường Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39 Xưởng Bê tông Long Nguyên	216B, Ấp Bung Thuốc, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần CIC39	1/278, Đường 22 tháng 12, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng 279	

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 267 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ góp vốn điều lệ của Công ty so với tổng số điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn là khoản tiền chuyển nhượng đã trả và tiền thuê đất trả trước cho phần đất mà Công ty đang sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (42 – 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao của nhà cửa là 25 năm, của cơ sở hạ tầng là 06 - 15 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bằng 0,19% trên tổng giá trị công trình bảo hành đối với công trình dân dụng, và bằng 0,45% trên tổng giá trị công trình hạ tầng, các công trình khác: theo quy định cụ thể của từng hợp đồng nhưng không quá 5%. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kết toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.410.725.014	536.052.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	77.306.932.130	27.235.024.707
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	9.447.959.676	39.501.440.830
Cộng	88.165.616.820	67.272.518.086

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	111.320.310.125	111.320.310.125	104.533.489.605	104.533.489.605
Dài hạn				
Trái phiếu ^(**)	17.250.000.000	17.250.000.000	10.770.000.000	10.770.000.000
Cộng	128.570.310.125	128.570.310.125	115.303.489.605	115.303.489.605

^(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn thời hạn 12 tháng. Toàn bộ khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (**) Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành. Toàn bộ các trái phiếu này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20)

Tổ chức phát hành	Năm phát hành	Kỳ hạn (năm)	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2018	10 năm	1.980.000.000	1.980.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2018		-	2.520.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2019	7 năm	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2019	10 năm	1.270.000.000	1.270.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2020	7 năm	3.000.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2019	7 năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2020	10 năm	6.000.000.000	
Cộng			17.250.000.000	10.770.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	17.200.000.000	(162.308.828)		3.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiên Phước ⁽ⁱ⁾	17.200.000.000	(162.308.828)		3.000.000.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết	120.952.624.223			97.592.800.663		-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An ⁽ⁱⁱ⁾	78.733.792.015			55.373.968.455		-
Công ty Cổ phần Miền Đông ⁽ⁱⁱⁱ⁾	42.218.832.208		- 36.594.075.000	42.218.832.208		- 43.564.375.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	66.629.694.202	(224.658.488)		66.629.694.202		-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương ^(iv)	200.887.800	(200.887.800)		200.887.800		-
Công ty Cổ phần Hoá An ^(v)	49.553.806.402		- 94.399.470.000	49.553.806.402		- 63.530.445.000
Công ty Cổ phần BOT đường Đồng Phú - Bình Dương ^(vi)	16.875.000.000	(23.770.688)		16.875.000.000		-
Cộng	204.782.318.425	(386.967.316)		167.222.494.865		-

- (i) Theo thỏa thuận ban đầu của các cổ đông sáng lập, Công ty Cổ phần CIC39 đăng ký số vốn góp trực tiếp là 55.200.000.000 VND chiếm 80% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiên Phước. Trong năm, Công ty đã góp vốn bổ sung 14.200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 17.200.000.000 VND tương đương 24,93% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.000.000.000 VND, tương đương 4,35% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiên Phước là 38.000.000.000 VND.
- (ii) Trong năm, Công ty ghi nhận giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An với giá trị là 6.125.565.000 VND tương đương 421.133 cổ phiếu do giao dịch mua cổ phần năm 2016 và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017 bị hủy. Ngoài ra, Công ty cũng đã mua thêm 1.854.956 cổ phiếu có giá trị 29.485.388.560 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.101.091 cổ phiếu, tương đương 42,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (số đầu năm là 3.667.268 cổ phiếu, tương đương 24,33% vốn điều lệ).
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.485.150 cổ phiếu, tương đương 32,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Miền Đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 18.098 cổ phiếu, tương đương 3,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.991.550 cổ phiếu, tương đương 13,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa An (số đầu năm là 1.991.550 cổ phiếu, tương đương 13,17% vốn điều lệ).
- (vi) Công ty đã đăng ký mua 3.375.000 cổ phần với giá mua là 33.750.000.000 (chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Đồng Phú – Bình Dương). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã nắm giữ 1.687.500 cổ phiếu với giá trị 16.875.000.000 VND. Vốn điều lệ còn lại phải đầu tư là 16.875.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có doanh thu.

Các công ty công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh có lãi bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	37.432.208
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	386.967.316	(37.432.208)
Số cuối năm	386.967.316	-

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước		
Góp vốn đầu tư	14.200.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An		
Cổ tức được chia	3.246.135.000	-
Công ty Cổ phần Miền Đông		
Doanh thu bán hàng hóa	4.067.099.022	22.801.498.782
Doanh thu bán thành phẩm	1.653.050.624	204.923.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.515.455	211.715.900
Doanh thu hợp đồng xây dựng	27.975.839.252	98.348.780.614
Thanh lý tài sản cố định	450.000.000	-
Mua nguyên vật liệu	59.113.162	2.051.209.872
Mua dịch vụ	33.386.846	-
Chia cổ tức	1.296.408.000	1.200.000.000
Cổ tức được chia	2.091.090.000	1.394.060.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>55.439.659.077</i>	<i>74.265.367.365</i>
Công ty Cổ phần Miền Đông	55.439.659.077	74.265.367.365
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>62.903.646.293</i>	<i>42.995.721.695</i>
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP. Dĩ An	8.664.155.012	4.935.481.825
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP. Thuận An	12.407.698.023	2.842.495.000
Các khách hàng khác	41.831.793.258	35.217.744.870
Cộng	<u>118.343.305.370</u>	<u>117.261.089.060</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>2.442.616.154</i>	<i>2.614.532.301</i>
Hợp tác xã Phúc Tài	2.442.616.154	2.614.532.301
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>15.399.614.006</i>	<i>39.140.738.304</i>
Ông Trần Hữu Nghĩa	2.042.859.440	30.725.000.000
Công ty Cổ phần máy CNC Hà Nội	4.094.132.800	-
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại Phú Đông Phát	2.703.969.975	21.595.500
Các nhà cung cấp khác	6.558.651.791	8.394.142.804
Cộng	<u>17.842.230.160</u>	<u>41.755.270.605</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>8.848.793.461</i>	-	<i>5.380.540.000</i>	-
Ông Trần Văn Bình - Tạm ứng	5.380.540.000	-	5.380.540.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An - Phải thu tiền vốn cổ phần bị hủy	3.468.253.461	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>57.902.409.931</i>	-	<i>28.529.089.501</i>	-
Lãi dự thu	4.374.775.962	-	4.314.492.305	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.725.329.068	-	6.724.526.519	-
Tạm ứng	46.749.859.164	-	16.762.990.747	-
Phải thu bảo hiểm	3.059.509	-	6.695.396	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	49.386.228	-	720.384.534	-
Cộng	<u>66.751.203.392</u>	-	<u>33.909.629.501</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Ông Trần Hữu Nghĩa</i>						
Trả trước cho người bán		-	-	Từ 01 đến 02 năm	30.725.000.000	15.362.500.000
<i>Công ty TNHH Quang Phước</i>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	264.782.117	-	Quá 03 năm	264.782.117	-
<i>Doanh nghiệp tư nhân Xuân Loan</i>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	200.366.498	-	Quá 03 năm	200.366.498	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	405.996.151	-	Quá 03 năm	325.396.866	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	76.315.351	22.894.605	Từ 2 đến 3 năm	112.621.493	33.786.448
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 đến 02 năm	63.517.094	31.758.547	Từ 01 đến 02 năm	14.550.124	7.275.062
Phải thu tiền bán hàng	Dưới 01 năm	6.011.804	4.208.263	Dưới 01 năm	202.992.696	142.094.885
Cộng		1.016.989.015	58.861.415		31.845.709.794	15.545.656.395

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.300.053.399	16.234.881.189
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng	(15.341.925.799)	65.172.210
Số cuối năm	958.127.600	16.300.053.399

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.748.115.855	(10.671.302)	9.568.804.514	(21.839.062)
Công cụ, dụng cụ	497.723.431	-	497.723.431	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.117.702.499	-	27.192.284.845	-
Thành phẩm (*)	46.770.678.471	(74.745.221)	40.406.517.259	(135.856.891)
Hàng hóa	63.382.447	-	1.562.613.664	-
Cộng	67.197.602.703	(85.416.523)	79.227.943.713	(157.695.953)

(*) Thành phẩm là bất động sản tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 26.116.503.727 VND (số đầu năm là 23.745.260.285 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	157.695.953	253.253.625
Hoàn nhập dự phòng bổ sung	(72.279.430)	(95.557.672)
Số cuối năm	85.416.523	157.695.953

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	481.079.589	336.435.942
Chi phí sửa chữa tài sản	19.776.304	238.884.826
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.727.274	169.451.669
Cộng	505.583.167	744.772.437

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.385.831.289	3.006.620.624
Quyền sử dụng đất thuê Thạnh Phước	46.591.496.851	47.617.364.671
+ Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	40.907.397.691	41.808.111.031
+ Tiền thuê đất trả 1 lần	5.684.099.160	5.809.253.640
Tiền thuê đất trả 1 lần	14.146.880.897	14.480.233.997
Chi phí sửa chữa tài sản	1.301.684.194	527.648.048
Các chi phí trả trước dài hạn khác	599.530.370	420.204.619
Cộng	68.025.423.601	66.052.071.959

Một số khoản chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất và tiền thuê đất trả 1 lần có giá trị còn lại theo sổ sách là 58.801.151.274 VND (số đầu năm là 60.107.169.438 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và đảm bảo cho các thư bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.20).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.070.247.833	139.085.536.593	49.614.375.689	1.362.075.816	256.132.235.931
Mua trong năm	-	6.718.376.937	4.999.037.928	-	11.717.414.865
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.369.554.976	-	-	-	7.369.554.976
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.803.682.252)	(3.474.310.200)	-	(5.277.992.452)
Phân loại lại	-	500.000.000	(500.000.000)	-	-
Số cuối năm	73.439.802.809	144.500.231.278	50.639.103.417	1.362.075.816	269.941.213.320
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.173.642.773	37.975.716.355	12.325.579.035	1.362.075.816	59.837.013.979
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.058.960.945	64.276.898.553	30.687.880.073	1.304.284.785	116.328.024.356
Khấu hao trong năm	5.820.326.018	12.658.060.761	3.445.208.007	57.791.031	21.981.385.817
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.552.501.181)	(2.050.557.880)	-	(3.603.059.061)
Phân loại lại	-	125.231.473	(125.231.473)	-	-
Số cuối năm	25.879.286.963	75.507.689.606	31.957.298.727	1.362.075.816	134.706.351.112
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	46.011.286.888	74.808.638.040	18.926.495.616	57.791.031	139.804.211.575
Số cuối năm	47.560.515.846	68.992.541.672	18.681.804.690	-	135.234.862.208
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.433.564.943 VND (số đầu năm là 9.480.108.910 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	78.581.967.427	832.920.000	79.414.887.427
Mua trong năm	21.922.935.834	-	21.922.935.834
Số cuối năm	100.504.903.261	832.920.000	101.337.823.261
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.867.893.735	481.920.000	25.349.813.735
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	37.064.313.197	737.909.250	37.802.222.447
Khấu hao trong năm	1.469.822.086	70.666.668	1.540.488.754
Số cuối năm	38.534.135.283	808.575.918	39.342.711.201
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.517.654.230	95.010.750	41.612.664.980
Số cuối năm	61.970.767.978	24.344.082	61.995.112.060
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 30.231.814.240 VND (số đầu năm là 31.183.534.156 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

	<u>Nhà</u>	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
Số cuối năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.498.033.759	453.474.756	2.951.508.515
Khấu hao trong năm	400.065.780	159.515.436	559.581.216
Số cuối năm	2.898.099.539	612.990.192	3.511.089.731
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.876.265.740	503.617.861	5.379.883.601
Số cuối năm	4.476.199.960	344.102.425	4.820.302.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.676.553.060 VND (số đầu năm là 1.809.915.240 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà	7.374.299.499	2.898.099.539	4.476.199.960
Cơ sở hạ tầng	957.092.617	612.990.192	344.102.425
Cộng	8.331.392.116	3.511.089.731	4.820.302.385

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	21.922.935.834	-	(21.922.935.834)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	3.711.348.769	5.761.600.942	(7.369.554.976)	2.103.394.735
<i>Công trình xưởng Bê tông Thanh Phước - giai đoạn 2</i>	2.544.338.622	2.375.337.362	(4.483.627.338)	436.048.646
<i>Công trình xưởng gạch Thuận Giao</i>	344.500.531	1.138.908.905	(391.959.702)	1.091.449.734
<i>Công trình khác</i>	822.509.616	2.247.354.675	(2.493.967.936)	575.896.355
Cộng	25.634.284.603	5.761.600.942	(29.292.490.810)	2.103.394.735

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	610.933.432	5.849.185.451
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(610.933.432)	(5.238.252.019)
Số cuối năm	-	610.933.432

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>76.965.248</i>	<i>66.469.293</i>
Công ty Cổ phần Miền Đông	76.965.248	66.469.293
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>16.485.251.397</i>	<i>27.166.281.081</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	-	2.177.717.000
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Thi công cơ giới Hợp Nhân	2.772.741.100	1.932.218.460
Công ty TNHH MTV Hoàng Phương Đông	1.811.847.027	643.704.474
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hùng Ngọc Dương	1.702.899.776	-
Các nhà cung cấp khác	10.197.763.494	22.412.641.147
Cộng	16.562.216.645	27.232.750.374

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Thuận An	32.352.000.000	16.500.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Huyện Dầu Tiếng	2.390.488.000	2.732.247.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Thị xã Bến Cát	6.196.985.000	-
Các khách hàng khác	11.300.432.309	6.587.981.584
Cộng	<u>52.239.905.309</u>	<u>25.820.228.584</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.263.317.265	-	18.465.536.256	(21.728.853.521)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.851.254.103	-	16.730.562.163	(17.049.736.514)	4.532.079.752	-
Thuế thu nhập cá nhân	952.411.457	-	1.393.565.678	(2.463.315.679)	-	117.338.544
Thuế tài nguyên	6.260.569.000	-	1.235.548.600	(7.312.143.300)	183.974.300	-
Thuế khác	-	-	60.355.612	(60.355.612)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.065.987.770	-	436.424.073	(2.430.044.124)	72.367.719	-
- Phí bảo vệ môi trường	2.065.987.770	-	430.499.238	(2.424.119.289)	72.367.719	-
- Phải nộp khác	-	-	5.924.835	(5.924.835)	-	-
Cộng	<u>17.393.539.595</u>	<u>-</u>	<u>38.321.992.382</u>	<u>(51.044.448.750)</u>	<u>4.788.421.771</u>	<u>117.338.544</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.595.472.900	86.536.006.904
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	309.405.075	1.226.884.614
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(3.054.667.162)</u>	<u>(26.191.260.090)</u>
Thu nhập chịu thuế	95.850.210.813	61.571.631.428
Thu nhập được miễn thuế	<u>(12.307.650.000)</u>	<u>(7.059.488.694)</u>
Thu nhập tính thuế	83.542.560.813	54.512.142.734
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16.708.512.163	10.902.428.547
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>22.050.000</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>16.730.562.163</u>	<u>10.902.428.547</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức thuế suất 10% trên giá trị tính thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tạm tính giá vốn trong hoạt động xây lắp	27.754.995.768	18.830.736.025
Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	363.058.390	4.250.308.734
Chi phí thuê đất	-	7.525.603.470
Chi phí hỗ trợ địa phương tại mỏ đá Tân Đông Hiệp	1.639.949.999	1.639.949.999
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	646.282.847	380.969.454
Cộng	<u>30.404.287.004</u>	<u>32.627.567.682</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	90.184.560	96.519.140
Cổ tức phải trả	29.827.895	25.391.855
Phải trả tiền tạm giữ bảo hành công trình của các đội thi công, thầu phụ	5.302.192.878	9.587.161.237
Thù lao Hội đồng quản trị	1.218.809.660	-
Lãi vay phải trả	270.992.127	294.780.904
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.113.001.426	1.133.434.310
Cộng	<u>8.025.008.546</u>	<u>11.137.287.446</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	238.469.917.501	199.930.079.165
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - CN Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	220.976.161.177	199.930.079.165
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	17.493.756.324	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	11.061.640.000	10.219.788.000
Cộng	<u>249.531.557.501</u>	<u>210.149.867.165</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, trái phiếu ngân hàng cùng một số tài sản khác gồm: thành phẩm bất động sản, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.8, V.9, V.10 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số tài sản gồm: trái phiếu ngân hàng, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.2a, V.8, V.9 và V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	199.930.079.165	471.302.796.240	-	(432.762.957.904)	238.469.917.501
Vay dài hạn đến hạn trả	10.219.788.000	-	11.760.524.000	(10.918.672.000)	11.061.640.000
Số cuối năm	<u>210.149.867.165</u>	<u>471.302.796.240</u>	<u>11.760.524.000</u>	<u>(443.681.629.904)</u>	<u>249.531.557.501</u>

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - CN Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	5.710.000.000	-
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	36.920.067.500	46.300.591.500
Cộng	<u>42.630.067.500</u>	<u>46.300.591.500</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương với mục đích hoàn vốn đầu tư máy móc thiết bị để sản xuất gạch không nung, mua phương tiện vận tải. Thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định và đầu tư dự án Xưởng Thạnh Phước. Thời hạn vay lần lượt là 5 năm và 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số tài sản gồm: chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.8, V.9 và V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	11.061.640.000	10.219.788.000
Trên 01 năm đến 05 năm	32.143.600.000	29.220.232.000
Trên 05 năm	10.486.467.500	17.080.359.500
Cộng	<u>53.691.707.500</u>	<u>56.520.379.500</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	46.300.591.500	41.810.828.000
Số tiền vay phát sinh	8.360.000.000	15.194.480.500
Số tiền vay đã trả	(270.000.000)	(484.929.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(11.760.524.000)	(10.219.788.000)
Số cuối năm	<u>42.630.067.500</u>	<u>46.300.591.500</u>

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	594.328.619	94.827.498
Tăng do trích lập	5.717.987.463	574.491.489
Số sử dụng	(2.031.715.202)	(74.990.363)
Số cuối năm	<u>4.280.600.880</u>	<u>594.328.619</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	850.570.824	2.426.107.907	(1.186.752.400)	-	2.089.926.331
Quỹ phúc lợi	430.347.070	2.952.452.541	(373.400.000)	-	3.009.399.611
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	910.450.245	2.151.424.179	(1.196.765.527)	(294.029.351)	1.571.079.546
Cộng	<u>2.191.368.139</u>	<u>7.529.984.627</u>	<u>(2.756.917.927)</u>	<u>(294.029.351)</u>	<u>6.670.405.488</u>

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hóa An	17.851.010.000	17.851.010.000
America LLC	70.000	16.690.070.000
Peter Eric Dennis	40.000	12.220.640.000
PYN Elite Fund	11.018.480.000	11.018.480.000
Các cổ đông khác	121.431.850.000	92.521.250.000
Cộng	<u>150.301.450.000</u>	<u>150.301.450.000</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.030.145	15.030.145
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	36.072.348.000	18.036.174.000	18.036.174.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	19.006.738.111	11.901.085.565	7.105.652.546
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.519.766.317	2.203.904.734	1.315.861.583
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.407.906.527	881.561.894	526.344.633

Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2020 và tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	18.036.174.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	21.938.573.872
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.062.698.865
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.625.079.546
• Trích Thù lao Hội đồng quản trị	1.218.809.660

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	480.000.000	648.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	880.000.000	1.320.000.000
Cộng	1.360.000.000	1.968.000.000

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải	484.735.894	484.735.894	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiến Phát	660.504.913	660.504.913	Không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	1.149.413.384	1.149.413.384	Không có khả năng thu hồi
Cộng	2.294.654.191	2.294.654.191	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	195.900.092.341	307.052.884.894
Doanh thu bán thành phẩm	261.096.586.496	250.149.565.326
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.280.509.324	43.439.856.374
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.184.454.552	1.271.647.719
Doanh thu hợp đồng xây dựng	154.770.786.635	200.363.803.090
Cộng	638.232.429.348	802.277.757.403

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho bên liên quan khác là Hợp tác xã Phúc Tài chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	4.863.740.015	6.075.012.555
Doanh thu bán các thành phẩm	27.257.708.000	37.904.880.821
Doanh thu dịch vụ	9.178.886.909	14.933.911.336

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	158.256.058.001	253.350.744.011
Giá vốn của thành phẩm đã bán	195.327.009.376	187.430.004.968
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.691.411.082	38.399.926.117
Giá vốn kinh doanh bất động sản	559.581.216	559.581.216
Giá vốn của hoạt động xây dựng	136.751.219.515	197.782.325.515
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72.279.430)	(95.557.672)
Cộng	<u>512.512.999.760</u>	<u>677.427.024.155</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.993.936	26.115.834
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.228.336.008	8.087.161.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.307.650.000	7.059.488.694
Lãi đầu tư trái phiếu	1.180.769.000	465.236.000
Cộng	<u>21.742.748.944</u>	<u>15.638.001.962</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.778.854.432	14.521.330.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.400.000
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	386.967.316	(37.432.208)
Cộng	<u>18.165.821.748</u>	<u>14.485.298.468</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.378.774.726	1.841.675.882
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	35.740.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.965.608	106.568.738
Chi phí dịch vụ vận chuyển	23.694.392.182	17.938.963.195
Các chi phí khác	9.858.717.968	8.952.759.222
Cộng	<u>35.151.850.484</u>	<u>28.875.707.593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.186.353.344	12.889.614.747
Chi phí vật liệu quản lý	93.955.749	244.218.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.421.817.115	1.097.463.310
Thuế, phí và lệ phí	18.817.180	21.232.814
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(15.341.925.799)	65.172.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.656.640.753	2.166.847.254
Chi phí bằng tiền khác	5.014.493.301	4.892.701.689
Cộng	<u>4.050.151.643</u>	<u>21.377.250.515</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	215.975.700	169.556.817
Nhập thu hồi đá rơi vãi từ mỏ	6.841.913.635	-
Cho thuê đất và nhà tại Thuận Giao	218.133.080	92.885.746
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	195.041.043	83.543.306
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được miễn	-	10.869.092.730
Thu nhập khác	1.202.972.615	570.720.252
Cộng	<u>8.674.036.073</u>	<u>11.785.798.851</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	125.800.000	337.908.000
Chi phí khảo sát thăm dò đá xây dựng	-	488.900.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.924.835	-
Chi phí khác	28.126.865	8.566.842
Cộng	<u>159.851.700</u>	<u>835.374.842</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.299.235.189	218.934.718.954
Chi phí nhân công	52.756.532.696	59.267.471.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	24.081.455.787	22.864.360.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.885.371.163	144.009.461.072
Chi phí khác	8.180.966.324	55.732.877.241
Cộng	<u>375.203.561.159</u>	<u>500.808.889.381</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty phát sinh khoản trả trước tiền mua sắm tài sản cố định là 4.360.000.000 VND (số đầu năm 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.364.636.361	1.014.454.542
Trên 01 năm đến 05 năm	6.634.909.091	3.970.454.542
Cộng	8.999.545.452	4.984.909.084

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	-	-	84.053.505	84.053.505
Ông Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch	-	-	25.000.000	25.000.000
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	-	-	75.659.740	75.659.740
Ông Võ Văn Lãnh	Thành viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	-	64.879.653	64.879.653
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	-	-	72.586.435	72.586.435
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	-	-	66.439.826	66.439.826
Ban điều hành					
Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc	791.695.000	491.683.200	-	1.283.378.200
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	568.987.000	444.269.921	-	1.013.256.921
Người quản lý khác					
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	483.157.000	424.441.984	-	907.598.984
Lữ Minh Quân	Người phụ trách Quản trị Công ty	-	-	53.244.805	53.244.805
Cộng		1.843.839.000	1.360.395.105	461.863.964	3.666.098.069

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Chức danh</u>	<u>Lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	-	-	343.815.000	343.815.000
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	-	-	180.955.000	180.955.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	-	254.319.000	254.319.000
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	-	-	32.000.000	32.000.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	-	-	32.000.000	32.000.000
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	-	-	235.287.000	235.287.000
Ông Thượng Văn Huyện	Thành viên	-	-	148.955.000	148.955.000
Ban điều hành					
Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc	700.096.400	791.368.994	-	1.491.465.394
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	512.619.600	553.958.295	-	1.066.577.895
Người quản lý khác					
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	433.125.100	503.598.450	-	936.723.550
Ông Lữ Minh Quân	Người phụ trách Quản trị Công ty	-	-	-	-
Cộng		1.645.841.100	1.848.925.739	1.227.331.000	4.722.097.839

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An	Công ty liên kết
Hợp tác xã Phúc Tài	Cổ đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh V.2b và VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với Hợp tác xã Phúc Tài như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa (đá thành phẩm)	43.795.386.982	62.354.635.560
Chi phí thuê đất	480.000.000	480.000.000
Mua dịch vụ	11.093.753.208	13.514.822.172
Mua tài sản cố định	3.290.909.091	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Sản xuất.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Đỗ Việt Cường
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng



Võ Văn Lĩnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	130.069.054.885	194.325.677.281	476.886.182.166
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	70.395.326.338	70.395.326.338
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	36.861.583.041	(46.418.289.755)	(9.556.706.714)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(36.072.348.000)	(36.072.348.000)
Số dư cuối năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	166.930.637.926	182.230.365.864	501.652.453.790
Số dư đầu năm nay	150.301.450.000	2.190.000.000	166.930.637.926	182.230.365.864	501.652.453.790
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	81.253.977.305	81.253.977.305
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	29.044.226.418	(36.574.211.045)	(7.529.984.627)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(36.072.348.000)	(36.072.348.000)
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	(1.218.809.660)	(1.218.809.660)
Điều chỉnh Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm 2019	-	-	-	294.029.351	294.029.351
Số dư cuối năm này	150.301.450.000	2.190.000.000	195.974.864.344	189.913.003.815	538.379.318.159


Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiét, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Kinh doanh vật liệu xây dựng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.770.786.635	261.083.520.366	195.900.092.341	26.464.963.876	638.219.363.218
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.770.786.635	261.083.520.366	195.900.092.341	26.464.963.876	638.219.363.218
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.019.567.120	65.828.790.420	37.644.034.340	4.213.971.578	125.706.363.458
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(39.202.002.127)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					86.504.361.331
Doanh thu hoạt động tài chính					21.742.748.944
Chi phí tài chính					(18.165.821.748)
Thu nhập khác					8.674.036.073
Chi phí khác					(159.851.700)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.730.562.163)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(610.933.432)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					81.253.977.305
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.440.054.650	12.567.151.868	7.186.495.353	804.475.070	23.998.176.941
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.103.618.257	14.991.271.679	8.572.722.395	959.652.948	28.627.265.279
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Kinh doanh vật liệu xây dựng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	200.363.803.090	249.984.669.587	307.052.884.894	44.711.504.093	802.112.861.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.363.803.090	249.984.669.587	307.052.884.894	44.711.504.093	802.112.861.664
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.581.477.575	62.650.222.291	53.702.140.883	5.751.996.760	124.685.837.509
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50.252.958.108)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					74.432.879.401
Doanh thu hoạt động tài chính					15.638.001.962
Chi phí tài chính					(14.485.298.468)
Thu nhập khác					11.785.798.851
Chi phí khác					(835.374.842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.902.428.547)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(5.238.252.019)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					70.395.326.338
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.358.073.731	32.959.271.837	28.251.830.478	3.026.032.756	65.595.208.802
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	698.816.709	16.959.675.564	14.537.392.736	1.557.089.430	33.752.974.439
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	11.690.915	283.728.372	243.204.580	26.049.463	564.673.330

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Kinh doanh vật liệu xây dựng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>153.027.217.260</u>	<u>258.142.285.523</u>	<u>193.693.181.018</u>	<u>26.166.822.983</u>	<u>631.029.506.784</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>332.965.661.234</u>
Tổng tài sản					<u><u>963.995.168.018</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>101.595.971.102</u>	<u>171.382.690.281</u>	<u>128.594.423.748</u>	<u>17.372.359.240</u>	<u>418.945.444.371</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>6.670.405.488</u>
Tổng nợ phải trả					<u><u>425.615.849.859</u></u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>150.425.713.015</u>	<u>187.679.219.427</u>	<u>230.523.919.147</u>	<u>33.567.739.179</u>	<u>602.196.590.768</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>283.136.917.902</u>
Tổng tài sản					<u><u>885.333.508.670</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>95.294.226.197</u>	<u>118.894.207.846</u>	<u>146.036.193.246</u>	<u>21.265.059.452</u>	<u>381.489.686.741</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>2.191.368.139</u>
Tổng nợ phải trả					<u><u>383.681.054.880</u></u>

Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	Tel: +84 (028) 3547 2972	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	Tel: +84 (024) 3736 7879	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam	Tel: +84 (0258) 246 5151	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	Tel: +84 (0292) 376 4995	kttv.ct@a-c.com.vn